

Số: 49/QĐ-THMA

Hòa Minh, ngày 04 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai thu- chi ngân sách quý I năm 2024
của trường Tiểu Học Hòa Minh A**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC HÒA MINH A

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ Nghị định quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính thông tư sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 709/QĐ-PGD&ĐT ngày 25/12/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Châu Thành về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ vào tình hình thực tế của đơn vị,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu thu – chi ngân sách quý I năm 2024 của trường Tiểu học Hòa Minh A (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Giám hiệu, công đoàn, kế toán và các đoàn thể có liên quan trong đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;
- Công đoàn;
- Lưu : VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thanh Hải

Đơn vị: Trường Tiểu học Hòa Minh A

Chương: 622

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÍ 1 NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Ước thực hiện quý I/2024	So sánh (%)	
				Dự toán 2023	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu phí, lệ phí				
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Nghiên cứu khoa học				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	9.909,7	2.552,3	121	131
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	9.724,2	2.439,7	120	127
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	185,5	112,6	161	341
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				



6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
11	Chi Chương trình mục tiêu				
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia				
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)				
2	Chi Chương trình mục tiêu				
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)				

Hòa Minh, ngày 04 tháng 4 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

Lập bảng



Phan Thị Lại



Nguyễn Thanh Hải



TRƯỜNG TIỂU HỌC HÒA MINH A

CÔNG KHAI TÀI CHÍNH QUÍ I/2024

DVT: Đồng

Nội dung	Thu	Chi	Tồn
Nguồn 13	9.724.646.026	2.439.693.131	7.284.952.895
Dự toán năm 2024 chuyển sang	452.239		
Dự toán đầu năm 2024	9.724.193.787		
Lương theo ngạch, bậc		1.197.018.001	
Lương hợp đồng		10.740.600	
Phụ cấp chức vụ		17.910.000	
Phụ cấp ưu đãi nghề		425.151.468	
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc		2.700.000	
Phụ cấp thâm niên vượt khung; pc thâm niên nghề		314.100.964	
Bảo hiểm xã hội		269.459.674	
Bảo hiểm y tế		46.193.087	
Kinh phí công đoàn		30.795.391	
Bảo hiểm thất nghiệp		14.955.758	
Tiền điện		4.678.712	
Tiền nước		2.030.101	
Văn phòng phẩm		6.267.100	
Công cụ dụng cụ Văn phòng		11.512.000	
Vật tư văn phòng khác		15.060.300	
Điện thoại		44.000	
Internet		528.000	
Khác (Phần mềm, chữ ký số giáo án điện tử)		10.502.000	
Khoản CTP quý I/2023		1.000.000	
Đường điện, cấp thoát nước		8.295.700	
Hàng hóa vật tư		12.524.275	
Chi các khoản khác		38.226.000	
Nguồn 12	218.116.742	112.637.805	105.478.937
Dự toán năm 2023 chuyển sang	32.566.742		
Dự toán đầu năm 2024	185.550.000		
Phần mềm tra soát hóa đơn đầu vào		1.600.000	
Thuê bảo vệ, tạp vụ		15.200.000	
Sửa chữa sân đường điếm Long Hưng I		95.837.805	
Nguồn 14			
Dự toán năm 2023 chuyển sang	25.406		25.406
Tổng	9.942.788.174	2.552.330.936	7.390.457.238

Hòa Minh, ngày 04 tháng 4 năm 2024

Kế toán


Phan Thị Lại

HIỆU TRƯỞNG




Nguyễn Thanh Hải